

Số: /BC-KTNS

Thái Nguyên, ngày tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO

**Kết quả công tác 06 tháng đầu năm 2025 và công tác thẩm tra
của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên**
*Tại Kỳ họp thứ ba (Kỳ họp thường lệ giữa năm) Hội đồng nhân dân tỉnh
Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026*

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025; Thông báo số 51/TB-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2025 và số 64/TB-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công thẩm tra Báo cáo, Tờ trình, dự thảo Nghị quyết trình tại Kỳ họp thứ ba (Kỳ họp thường lệ giữa năm 2025), trên cơ sở kết quả hoạt động của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên (trước sắp xếp) và Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn (trước sắp xếp), Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả công tác 06 tháng đầu năm 2025 và kết quả thẩm tra các báo cáo, tờ trình và dự thảo Nghị quyết trình tại Kỳ họp thứ ba (Kỳ họp thường lệ giữa năm 2025), cụ thể như sau:

A. KẾT QUẢ CÔNG TÁC 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

1. Công tác giám sát, khảo sát

Thực hiện Kế hoạch công tác và Chương trình giám sát năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, trong 06 tháng đầu năm, Ban đã triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ được phân công theo đúng kế hoạch và đảm bảo chất lượng.

Thực hiện giám sát thường xuyên đối với việc thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và Nghị quyết của HĐND tỉnh thuộc lĩnh vực phụ trách. Tổ chức 02 cuộc giám sát chuyên đề gồm: Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 23 tháng 3 năm 2021 về việc thông qua Đề án phát triển kinh tế tập thể tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2021 - 2025; giám sát việc thực hiện các chính sách, chương trình hỗ trợ đầu tư tại các cụm công nghiệp, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Qua đó, đánh giá kết quả đạt được, một số tồn tại, hạn chế và đề xuất các kiến nghị nhằm thực hiện có hiệu quả chính sách trong thời gian tới. Ngoài ra, Ban đã thực hiện 07 cuộc khảo sát phục vụ công tác thẩm tra nội dung trình tại các kỳ họp HĐND tỉnh trong 06 tháng đầu năm¹.

¹ Gồm: 03 cuộc khảo sát nội dung trình tại Kỳ họp thứ 29 (Kỳ họp chuyên đề) HĐND tỉnh Thái Nguyên (trước sắp xếp) và 04 cuộc khảo sát phục vụ công tác thẩm tra trình Kỳ họp thứ 25, 26, 27, 29 (Kỳ họp chuyên đề) HĐND tỉnh Bắc Kạn (trước sắp xếp) về một số nội dung như: Danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Danh mục các công trình, dự án

Phối hợp với Ban Dân tộc HĐND tỉnh tham mưu đề HĐND tỉnh tổ chức 01 cuộc giám sát về việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; tham mưu Thường trực HĐND tỉnh tổ chức 01 cuộc khảo sát về những khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện một số dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; tổ chức 01 cuộc khảo sát chuyên đề về Đề án tăng cường công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025; phối hợp với các Ban HĐND tỉnh nghiên cứu, tham mưu đề Thường trực HĐND tỉnh xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch giám sát kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến trước và sau Kỳ họp thứ hai mươi ba; các ý kiến, kiến nghị tại Nghị quyết số 95/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh; kết quả thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

2. Công tác thẩm tra

Thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách đã tích cực chuẩn bị nội dung, chương trình 12 kỳ họp của HĐND tỉnh². Chủ trì thẩm tra 55 báo cáo, tờ trình, dự thảo nghị quyết; phối hợp với các Ban HĐND tỉnh thẩm tra 06 nội dung đảm bảo chất lượng và tiến độ³. Báo cáo thẩm tra đã thể hiện rõ quan điểm về tính hợp hiến, hợp pháp và tính khả thi của từng dự thảo nghị quyết, đồng thời cũng nêu các vấn đề còn có ý kiến khác nhau, các vấn đề còn nhiều vướng mắc làm cơ sở cho đại biểu HĐND tỉnh xem xét, nghiên cứu, thảo luận trước khi quyết nghị.

Trong thời gian giữa hai kỳ họp, Ban đã chủ trì thẩm tra 11 nội dung, cho ý kiến đối với 26 văn bản xin ý kiến của UBND tỉnh đảm bảo kịp thời, đúng quy định⁴, để tham mưu Thường trực HĐND tỉnh xem xét, giải quyết các vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp theo đề nghị của UBND tỉnh.

3. Các hoạt động khác

Ban đã tích cực phối hợp thực hiện tốt các nhiệm vụ khác theo phân công của Thường trực HĐND tỉnh và theo chức năng, nhiệm vụ của Ban. Tham gia tiếp

chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Thanh Bình, giai đoạn II tỉnh Bắc Kạn,...

² Trước sắp xếp: Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh Thái Nguyên đã tham mưu chuẩn bị nội dung, chương trình 05 kỳ họp của HĐND tỉnh gồm: Kỳ họp chuyên đề thứ 25, 27, 28, 29, Kỳ họp thứ nhất; Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh Bắc Kạn đã tham mưu chuẩn bị nội dung, chương trình 07 kỳ họp của HĐND tỉnh gồm: Kỳ họp giải quyết công việc phát sinh đột xuất tháng 02/2025, Kỳ họp thứ chuyên đề thứ 25, 26, 27, 28, 29 và Kỳ họp thường lệ thứ 30.

³ Trước sắp xếp: Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh Thái Nguyên chủ trì thẩm tra 19 tờ trình, dự thảo nghị quyết và phối hợp thẩm tra 05 tờ trình, dự thảo nghị quyết; Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh Bắc Kạn chủ trì thẩm tra 10 báo cáo, 30 tờ trình, dự thảo nghị quyết và phối hợp thẩm tra 01 tờ trình.

⁴ Nội dung Ban thẩm tra, cho ý kiến như: Phương án xử lý tăng thu, hụt thu năm 2024 tỉnh Thái Nguyên, tỉnh Bắc Kạn; cho ý kiến về Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên; chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, phạm vi, mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ sản xuất, bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh,...

công dân theo phân công của Thường trực HĐND tỉnh; tham mưu góp ý đối với các dự thảo Luật⁵, chuẩn bị nội dung và tham dự các phiên họp, hội nghị do Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh tổ chức; tham dự đầy đủ các hội nghị tiếp xúc cử tri trước và sau các kỳ họp Quốc hội và HĐND tỉnh; tham gia các cuộc họp do các sở, ngành, đơn vị tổ chức để phối hợp trao đổi một số nội dung có liên quan đến các nội dung trình tại kỳ họp HĐND và các nhiệm vụ công tác khác theo sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh.

B. KẾT QUẢ THẨM TRA CÁC BÁO CÁO, TỜ TRÌNH, DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT TRÌNH TẠI KỲ HỌP THỨ BA, HĐND TỈNH KHÓA XIV

Kỳ họp thứ ba (Kỳ họp thường lệ giữa năm 2025), HĐND tỉnh Khóa XIV, Ban Kinh tế - Ngân sách được phân công chủ trì thẩm tra 08 Báo cáo, Tờ trình, dự thảo Nghị quyết và phối hợp với các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra 04 Tờ trình, dự thảo Nghị quyết. Ban báo cáo kết quả thẩm tra, cụ thể như sau:

I. Báo cáo, Tờ trình, dự thảo Nghị quyết về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2025 (lĩnh vực kinh tế - ngân sách)

1. Kết quả đạt được

Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản nhất trí với Báo cáo của UBND tỉnh và thống nhất với nhận định: Mặc dù tình hình thế giới và trong nước tiếp tục tiềm ẩn nhiều khó khăn, thách thức; cơ cấu tổ chức bộ máy có sự biến động do thực hiện việc sáp nhập sở, ngành, sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và tổ chức mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, song với sự chỉ đạo quyết liệt, tập trung của Tỉnh ủy; sự điều hành linh hoạt, chủ động của UBND tỉnh cùng với tinh thần đoàn kết, nỗ lực của cả hệ thống chính trị và sự đồng thuận cao từ Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp, tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2025 đã đạt được nhiều kết quả tích cực, nhiều điểm sáng⁶, tạo tiền đề quan trọng để

⁵ Góp ý dự thảo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi), Luật Quy hoạch,...

⁶ Tỉnh Thái Nguyên (trước sắp xếp): Tốc độ tăng trưởng kinh tế 6 tháng đầu năm tăng 6,47% so với cùng kỳ. Trong đó: (1) Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,1%; (2) Khu vực công nghiệp, xây dựng tăng 5,14%; (3) Khu vực dịch vụ và thuế sản phẩm tăng 9,19%. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 8,86% so với cùng kỳ. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh đạt 12.924 tỷ đồng, tăng 50% so với cùng kỳ, đạt 54,8% so với dự toán HĐND tỉnh giao; tổng chi ngân sách địa phương đạt 11.437 tỷ đồng, tăng 80,8% so với cùng kỳ, đạt 54,6% dự toán HĐND tỉnh giao. Về xây dựng nông thôn mới, có 115/121 xã đạt chuẩn nông thôn mới (đạt tỷ lệ 95,04%), 50 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 12 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, 07 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 02 huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024. Giá trị xuất khẩu đạt 15,7 tỷ USD, tăng 2,6% so với cùng kỳ, đạt 51,3% kế hoạch năm; tỉnh Thái Nguyên là 1 trong 5 địa phương có quy mô xuất khẩu lớn nhất cả nước. Kết quả giải ngân vốn đầu tư công đối với kế hoạch vốn năm 2025 đạt 60%, kế hoạch vốn được phép kéo dài thời hạn thanh toán đạt 47%; tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính đúng hạn đạt 99,46%,...

Tỉnh Bắc Kạn (trước sắp xếp): Tốc độ tăng trưởng kinh tế 6 tháng đầu năm tăng 7,91% so với cùng kỳ. Trong đó: (1) Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,8%; (2) Khu vực công nghiệp, xây dựng tăng 13,48%; (3) Khu vực dịch vụ tăng 8,48%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp tăng 2,32%. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 14,5% so với cùng kỳ; công tác quản lý, bảo vệ rừng tiếp tục được tăng cường; công tác thu hút đầu tư có nhiều chuyển biến, số lượng dự án đầu tư ngoài ngân sách tăng cao; kim ngạch xuất, nhập khẩu đạt 25 triệu USD, tăng 16,28% so với cùng kỳ, đạt 55,5% so với kế hoạch; kết quả giải ngân vốn đầu tư công đối với kế hoạch vốn năm 2025

phân đầu hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 và giai đoạn 2021 - 2025. Cùng với phát triển kinh tế, tỉnh đang tích cực phối hợp với Bộ Xây dựng và các địa phương gồm Hà Nội, Bắc Ninh, Lạng Sơn và Cao Bằng để triển khai đầu tư các tuyến cao tốc trọng điểm. Đây là những dự án quan trọng, có ý nghĩa chiến lược, nhằm tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng không gian phát triển và tăng cường liên kết vùng hiệu quả, bền vững.

2. Về dự thảo Nghị quyết

Năm 2025 là năm cuối thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025, Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản nhất trí với dự thảo Nghị quyết về kết quả thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và 05 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong 6 tháng cuối năm 2025. Ban đề nghị UBND tỉnh tiếp tục bám sát các văn bản chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ để kịp thời rà soát, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với bối cảnh thực tế của địa phương. Đặc biệt, cần chú trọng phân tích kỹ lưỡng, đánh giá sát tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, từ đó đưa ra các giải pháp đột phá trên tinh thần *“chỉ tiêu nào chưa đạt thì phải đạt, chỉ tiêu đạt rồi thì phải nâng cao chất lượng, hiệu quả”*, phân đầu hoàn thành cao nhất các mục tiêu đề ra; bổ sung các giải pháp để hoàn thành chỉ tiêu thu ngân sách nhà nước, nhất là nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; tiếp tục chủ động tạo quỹ đất sạch và các điều kiện cần thiết để sẵn sàng thu hút, đón nhận các nhà đầu tư chiến lược trong xu hướng dịch chuyển các chuỗi cung ứng toàn cầu.

Bên cạnh những kết quả đạt được, qua giám sát, khảo sát của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh cho thấy vẫn còn một số hạn chế như: Kết quả giải ngân vốn nguồn vốn sự nghiệp các chương trình mục tiêu quốc gia còn thấp, tiến độ xây dựng nông thôn mới ở nhiều xã phía Bắc tỉnh Thái Nguyên (tỉnh Bắc Kạn trước sắp xếp) còn chậm,...

Đề nghị UBND tỉnh nghiên cứu, bổ sung thêm một số chỉ tiêu kinh tế, môi trường đảm bảo thực hiện theo Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước với mục tiêu tăng trưởng năm 2025 đạt 8% trở lên.

3. Nội dung đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh

- Báo cáo kết quả thu ngân sách từ nguồn thu tiền sử dụng đất đến nay và giải pháp nhằm hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra trong những tháng cuối năm,

đạt 37%, kế hoạch vốn được phép kéo dài thời hạn thanh toán đạt 33%; tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số dịch vụ công trực tuyến của tỉnh đạt 84,3%, tỷ lệ trao đổi văn bản hoàn toàn dưới dạng điện tử đạt 98,8%,...

nhất là trong bối cảnh sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, đảm bảo nguồn vốn bố trí cho các dự án đầu tư công.

- Đánh giá việc thực hiện các chính sách về giảm thuế tới chỉ tiêu thu ngân sách trên địa bàn tỉnh trong năm 2025 và việc triển khai hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền theo quy định tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ; khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, nhất là khi thực hiện sắp xếp lại tổ chức bộ máy ngành thuế; đồng thời báo cáo công tác đôn đốc, thu hồi các khoản nợ thuế và xử lý nợ đọng thuế đến nay (nếu có).

- Đề nghị UBND tỉnh đánh giá tình hình thực hiện xây dựng nông thôn mới sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp. Trong đó, báo cáo số xã chưa đạt chuẩn và các nhiệm vụ cần phải thực hiện trong thời gian tới, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo hoàn thành mục tiêu giai đoạn 2021 - 2025; đồng thời, báo cáo tiến độ thực hiện và giải ngân nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh đến nay.

- Báo cáo kết quả rà soát, sắp xếp và xử lý trụ sở làm việc, cơ sở vật chất sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính; phương án sắp xếp, xử lý tài sản trong thời gian tới nhằm đảm bảo hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí tài sản công.

- Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao vai trò của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, cải thiện năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của địa phương trong thời gian tới.

II. Tờ trình, dự thảo Nghị quyết về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 tỉnh Thái Nguyên

1. Tính hợp hiến, hợp pháp: Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 1 và khoản 5 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; điểm c khoản 3 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025.

2. Về dự thảo Nghị quyết

- Tại Biểu mẫu số 16, đề nghị UBND tỉnh rà soát số liệu dự toán thu thuế tiêu thụ đặc biệt 9.000 triệu đồng (theo Quyết định số 1391/QĐ-TTg ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, thì dự toán thu thuế tiêu thụ đặc biệt tỉnh Thái Nguyên là 9.100 triệu đồng).

- Tại các biểu mẫu kèm theo dự thảo Nghị quyết, đề nghị rà soát số liệu đảm bảo tính chính xác; bổ sung biểu mẫu số 34 theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm.

3. Nội dung đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh

- Đề nghị UBND tỉnh báo cáo bổ sung nguyên tắc phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho cấp xã năm 2025 trên địa bàn tỉnh.

- Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ chi từ nguồn dự phòng ngân sách nhà nước đến thời điểm hiện tại⁷, bao gồm: Tổng số kinh phí đã sử dụng, nội dung chi và số còn lại chưa sử dụng.

- Tại Biểu mẫu số 35 về dự toán chi ngân sách cấp tỉnh cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực: Báo cáo nguyên nhân chưa phân bổ chi tiết kinh phí chuyển nhiệm vụ về cấp xã là 3.005.162 triệu đồng (trong đó: Chi thường xuyên 2.961.755 triệu đồng, chi chương trình MTQG là 43.407 triệu đồng).

- Trong quá trình điều hành ngân sách, căn cứ các nhiệm vụ phân cấp cho cấp xã và các trường hợp phát sinh thêm nhiệm vụ chi từ cấp trên chuyển cho cấp xã thực hiện, đề nghị UBND tỉnh kịp thời cân đối bố trí từ ngân sách cấp tỉnh bổ sung có mục tiêu cho cấp xã nhằm bảo đảm hoạt động của đơn vị hành chính cấp xã mới sau sắp xếp hoạt động thông suốt, hiệu lực, hiệu quả, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

III. Tờ trình, dự thảo Nghị quyết về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Thái Nguyên

1. Tính hợp hiến, hợp pháp: Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 7 Điều 71 Luật Đầu tư công năm 2024 và điểm a khoản 32 Điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Về dự thảo Nghị quyết

- Tại Phụ lục I: UBND tỉnh đề nghị điều chỉnh giảm vốn dự phòng từ nguồn thu tiền sử dụng đất của tỉnh Bắc Kạn (trước sắp xếp) với số tiền 219.272 triệu đồng tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 03 tháng 4 năm 2025 của HĐND tỉnh Bắc Kạn (trong đó: Cấp tỉnh điều hành 90.839 triệu đồng, cấp huyện điều hành 128.433 triệu đồng). Qua rà soát, tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND

⁷ Theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 10 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

không thể hiện rõ số vốn dự phòng của cấp huyện điều hành là 128.433 triệu đồng, đề nghị UBND tỉnh báo cáo, làm rõ thêm.

- Tại Phụ lục III: Đối với các nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, đề nghị bổ sung các quyết định phê duyệt dự toán của cấp có thẩm quyền để đủ điều kiện đưa chương trình, dự án, nhiệm vụ vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 theo quy định tại Điều 56 Luật Đầu tư công năm 2024, khoản 24 Điều 7 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Nội dung đề nghị UBND tỉnh

- Đề nghị UBND tỉnh báo cáo bổ sung tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh Thái Nguyên sau sắp xếp. Trong đó, báo cáo số kế hoạch vốn đã bố trí, số kế hoạch vốn chưa bố trí cho các công trình, dự án; số lượng danh mục công trình, dự án đang thực hiện; số lượng danh mục, công trình dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng; số lượng danh mục, công trình dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án nhưng chưa được bố trí kinh phí để thực hiện.

- Theo nội dung Tờ trình số 47/TTr-UBND ngày 22/7/2025 của UBND tỉnh, nguyên tắc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2025 áp dụng Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh Thái Nguyên (trước sắp xếp). Tuy nhiên, việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật phải trình HĐND tỉnh quyết định theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 2 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025⁸. Đề nghị UBND tỉnh báo cáo làm rõ thêm.

- Đề nghị UBND tỉnh thực hiện điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2025 đối với vốn ngân sách địa phương thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh theo quy định⁹ trước khi trình HĐND tỉnh điều chỉnh tăng kế hoạch vốn đầu tư công

⁸ “b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới”.

⁹ Tại điểm a khoản 8 Điều 71 Luật Đầu tư công năm 2024 đã được sửa đổi, bổ sung bởi điểm d khoản 32 Điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công

“d) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

năm 2025 cho các dự án với số vốn 11.502 triệu đồng từ nguồn xây dựng cơ bản tập trung, 62.868 triệu đồng từ nguồn thu tiền sử dụng đất và sắp xếp lại nhà đất trên địa bàn tỉnh.

- Đối với dự án Cấp nước thị xã Sông Công: Đề nghị báo cáo nguyên nhân đến nay mới trình HĐND tỉnh bố trí vốn cho dự án trong khi dự án đã được HĐND tỉnh quyết định thời gian bố trí vốn đến hết năm 2022 tại Nghị quyết số 139/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021.

- Đối với Dự án Khu nuôi nhốt cách ly, kiểm dịch động vật: Dự án nằm trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Thái Nguyên tại Nghị quyết số 199/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh Thái Nguyên (trước sắp xếp) với kế hoạch vốn còn lại trong giai đoạn 2022 - 2025 là 1.150 triệu đồng. Tuy nhiên, theo Tờ trình UBND tỉnh đề nghị bố trí kế hoạch vốn năm 2025 là 2.356 triệu đồng. Đề nghị báo cáo nguyên nhân bố trí vượt kế hoạch vốn so với kế hoạch vốn được phê duyệt trong kế hoạch đầu tư công trung hạn (vượt 1.206 triệu đồng).

- Đối với 02 dự án: (1) Đường du lịch ven hồ Núi Cốc nối tuyến bờ Bắc - Nam (3km đường + xây mới 2 cầu) đã được HĐND tỉnh quyết định thời gian bố trí vốn đến hết năm 2024 tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023; (2) Dự án cải tạo, sửa chữa Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh (ATK Định Hoá), xã Phú Đình, huyện Định Hóa, đã hết thời gian thực hiện dự án năm 2024 tại Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 12/8/2021: Đề nghị UBND tỉnh thực hiện gia hạn thời gian thực hiện dự án theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 57 Luật Đầu tư công năm 2024 trước khi trình HĐND tỉnh giao vốn.

IV. Tờ trình, dự thảo Nghị quyết cho ý kiến về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Thái Nguyên

1. Tính hợp hiến, hợp pháp: Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 7 Điều 43 Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

2. Về dự thảo Nghị quyết

Đề nghị UBND tỉnh rà soát số liệu các dự án đảm bảo thống nhất về cơ cấu nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và vốn chuẩn bị đầu tư.

3. Nội dung đề nghị UBND tỉnh

- Đề nghị UBND tỉnh rà soát các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 chưa quyết toán, còn nhu cầu vốn nhưng chưa được

8. Ủy ban nhân dân các cấp quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm vốn ngân sách địa phương trong trường hợp không thay đổi tổng mức vốn trung hạn và hàng năm đã được Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.”

chuyển tiếp để có phương án cân đối, bố trí từ nguồn ngân sách địa phương sau khi các dự án được phê duyệt quyết toán hoàn thành.

- Tổng nhu cầu nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 của 02 tỉnh trước khi sắp xếp là 130.705 tỷ đồng (trong đó: Vốn ngân sách trung ương 86.158 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương 44.547 tỷ đồng). Tổng nhu cầu nguồn vốn đầu tư công trung hạn tỉnh Thái Nguyên (sau sắp xếp) là 165.381 tỷ đồng (gồm: 94.467 tỷ đồng vốn ngân sách Trung ương để thực hiện 05 dự án chuyển tiếp và 67 dự án khởi công mới; 70.914 tỷ đồng vốn ngân sách địa phương để thực hiện 10 dự án chuyển tiếp và 209 dự án khởi công mới), tăng 26,5% so với nhu cầu vốn lần 1 và tăng gấp 2 lần so với tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025. Ban nhận thấy nhu cầu đầu tư trên địa bàn là rất lớn, để đảm bảo cân đối giữa nguồn lực và nhu cầu, đề nghị UBND tỉnh có giải pháp huy động nguồn vốn phù hợp cùng với đó lựa chọn, đề xuất những công trình, dự án trọng điểm có tính chất liên kết vùng, tạo động lực mang tính đột phá để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhất là chú trọng gắn với các mục tiêu, nhiệm vụ sẽ được xác định trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và quy hoạch có liên quan.

- Tiếp tục bám sát quy định của Luật Đầu tư công và văn bản chỉ đạo của Trung ương tiếp tục phân tích, dự kiến tổng nguồn vốn đầu tư đưa vào cân đối đảm bảo khả thi, nhất là nguồn thu từ thu tiền sử dụng đất, tăng thu, tiết kiệm chi; các ngành, lĩnh vực cần tập trung đầu tư theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030; đảm bảo thứ tự ưu tiên bố trí vốn đầu tư công theo quy định khoản 4 Điều 54 Luật Đầu tư công năm 2024.

- Quan tâm, rà soát, xác định thứ tự ưu tiên để bổ sung vào danh mục Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 các dự án đã được trả lời tại các báo cáo giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri¹⁰; đồng thời, quan tâm bố trí vốn cho các dự án trong Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thái Nguyên, các dự án tái định cư cho người dân bị thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh.

V. Tờ trình, dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

1. Sự cần thiết ban hành văn bản: Việc ban hành Nghị quyết là cần thiết nhằm hoàn thiện cơ chế thu, quản lý và sử dụng lệ phí phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và tình hình mới sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Nghị quyết được ban hành sẽ tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, minh bạch cho

¹⁰ Tu bổ, tôn tạo di tích đình chùa xóm Vạn Giã, xã Bảo Lý, huyện Phú Bình; kinh phí tu bổ, tôn tạo di tích Đình chùa Làng Bàn Đạt, xã Bàn Đạt, huyện Phú Bình; kè bờ sông Công (đoạn thuộc xóm Đầm Mương 13, xã Minh Đức và đoạn từ thôn Bến Cháy đến thôn Vạn Kim, xã Vạn Phái); nâng cấp tuyến đường ĐT269C (từ Tân Khánh đi Bảo Lý, Tân Khánh đi Tân Lợi, huyện Đồng Hỷ) và tuyến đường ĐT269E (đoạn từ Cầu Mây đi xã Bảo Lý); mở rộng tuyến đường ĐT261D (đoạn từ ngã tư Úc Sơn đến cầu Úc Sơn 2), huyện Phú Bình,...

việc quản lý, sử dụng lệ phí; góp phần tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, bảo đảm công bằng, hỗ trợ người dân và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với chủ trương, đường lối của Đảng, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Nội dung dự thảo Nghị quyết đã phù hợp chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên.

3. Tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật của dự thảo văn bản: Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025; khoản 1 Điều 21 Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015.

4. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản.

4.1. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày đã phù hợp với Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

4.2. Về dự thảo Nghị quyết

- Đề nghị cơ cấu lại Điều 2 thành 02 Điều, gồm: “Điều 2. Tổ chức thực hiện, Điều 3: Điều khoản thi hành”. Đồng thời, nghiên cứu chỉnh sửa Điều 3 về Điều khoản thi hành nội dung sau:

+ Bổ sung “khoản 12 Điều 1 Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Bắc Kạn hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực. ”

+ Bỏ khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Bắc Kạn do không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết (khoản này quy định phí đăng ký biện pháp bảo đảm).

- Về đối tượng áp dụng: Đề nghị rà soát, bổ sung đầy đủ các đối tượng thụ hưởng được quy định tại khoản 1 Điều 3, khoản 2 Điều 4, khoản 2 Điều 5 và khoản 2 Điều 6 vào đối tượng áp dụng của Nghị quyết để bảo đảm tính đầy đủ và thống nhất.

- Tại Phụ lục IV: Đề nghị xem xét sửa thành “*Quy định mức thu lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên*” cho phù hợp với tên Điều 5 tại dự thảo Nghị quyết.

- Tại khoản 3 Điều 4, khoản 3 Điều 5, khoản 3 Điều 6: Đề nghị nghiên cứu, bổ sung đối tượng “*Hộ cận nghèo; tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có biến động đất đai đối với thửa đất tặng, cho quyền sử dụng đất (đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) để xây dựng công trình công cộng*” vào trường hợp được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và lệ phí cấp giấy phép xây dựng do đây là đối tượng yếu thế cần được hỗ trợ; đồng thời, nghiên cứu, bổ sung một số đối tượng khác theo quy định tại Điều 10 Luật Phí, lệ phí năm 2015, khoản 1 Điều 11 Luật Hộ tịch thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

5. Nội dung đề nghị UBND tỉnh

- Theo Tờ trình số 41/TTr-UBND ngày 21/7/2025 của UBND tỉnh, mức thu đối với các loại lệ phí được đề xuất cơ bản giữ nguyên theo mức đã được HĐND tỉnh Thái Nguyên (trước sắp xếp) ban hành tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh trong các năm 2016, năm 2022 và năm 2024. Tuy nhiên, qua rà soát cho thấy, một số mức thu lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (trước sắp xếp) đang quy định cao hơn so với mức thu đề xuất tại Tờ trình nêu trên¹¹. Do đó, đề nghị UBND tỉnh báo cáo, làm rõ cơ sở tính toán và đề xuất mức thu đối với các loại lệ phí; đồng thời, tiếp tục nghiên cứu, đánh giá kỹ lưỡng để bảo đảm mức thu phù hợp với thực tế, hài hòa giữa các khu vực sau sắp xếp, đồng thời tránh gây thất thu ngân sách hoặc phát sinh chênh lệch lớn giữa các địa bàn.

- Đề nghị UBND tỉnh báo cáo nguyên nhân chưa tham mưu, trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí đồng thời với lệ phí để thống nhất trong tổ chức thực hiện.

VI. Tờ trình, dự thảo Nghị quyết cho ý kiến quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất xây dựng công trình ngầm, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

1. Tính hợp hiến, hợp pháp: Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025; khoản 1 Điều 26, khoản 2 Điều 27, khoản 3 Điều 28 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

¹¹ Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (đề xuất 10.000 đồng, tỉnh Bắc Kạn 15.000); Kết hôn (bao gồm: Đăng ký kết hôn mới, đăng ký lại kết hôn) đối với việc đăng ký có yếu tố nước ngoài (đề xuất 1.200.000 đồng; tỉnh Bắc Kạn 1.350.000 đồng); Nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài (đề xuất 1.200.000 đồng; tỉnh Bắc Kạn 1.350.000 đồng); Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch có yếu tố nước ngoài (đề xuất 28.000 đồng; tỉnh Bắc Kạn 65.000 đồng).

2. Về dự thảo Nghị quyết:

- Đề nghị xem xét bổ sung Điều 2 dự thảo Nghị quyết nội dung: “*Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh Thái Nguyên cho ý kiến về mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất xây dựng công trình ngầm, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; điểm b khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh Bắc Kạn về Kỳ họp thứ 24, HĐND tỉnh khoá X, nhiệm kỳ 2021 - 2026*”.

- Đề nghị rà soát, hoàn thiện thể thức dự thảo Nghị quyết bảo đảm phù hợp với hình thức ban hành Nghị quyết cá biệt.

3. Nội dung đề nghị UBND tỉnh

- Theo Tờ trình số 38/TTr-UBND ngày 21/7/2025 của UBND tỉnh, mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất không qua hình thức đấu giá đối với dự án khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (trừ các diện tích đất đề cập trong Tờ trình) là 2,5% áp dụng chung trên toàn tỉnh Thái Nguyên (sau sắp xếp) trong khi mức tỷ lệ này trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn cũ là 1,5%. Đề nghị UBND tỉnh thuyết minh rõ cơ sở tính toán xây dựng mức tỷ lệ 2,5% trên, đồng thời đánh giá tính hợp lý, khả thi khi áp dụng đồng bộ trên toàn tỉnh, đặc biệt đối với các địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa thuộc khu vực phía Bắc của tỉnh nơi có điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn.

- Báo cáo nguyên nhân chỉ trình HĐND tỉnh quy định mức tỷ lệ phần trăm tính đơn giá thuê đất đến từng khu vực, chưa tính theo tuyến đường tương ứng với từng mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP của Chính phủ: “*Căn cứ vào thực tế địa phương, UBND cấp tỉnh quy định mức tỷ lệ % tính đơn giá thuê đất theo từng khu vực, tuyến đường tương ứng với từng mục đích sử dụng đất...*”

- Đối với nội dung quy định mức tỷ lệ phần trăm để tính đơn giá thuê đất tại các xã, phường trên địa bàn tỉnh: Hiện nay, mức tỷ lệ được xây dựng trên cơ sở bình quân tỷ lệ phần trăm tại các xã, phường trước sắp xếp để đưa ra một mức áp dụng chung cho đơn vị hành chính mới. Tuy nhiên, do phạm vi địa bàn sau sắp xếp mở rộng có điều kiện phát triển khác nhau, đề nghị UBND tỉnh tiếp tục nghiên cứu, rà soát và điều chỉnh mức tỷ lệ cho phù hợp hơn với tình hình thực tế, góp phần hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai.

VII. Tờ trình, dự thảo Nghị quyết quy định nội dung và mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

1. Sự cần thiết ban hành văn bản: Việc ban hành Nghị quyết quy định nội dung và mức chi cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là cần thiết, nhằm đảm bảo sự đồng bộ trong triển khai các chương

trình, hoạt động khuyến công. Việc quy định rõ ràng, cụ thể về mức chi sẽ nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn kinh phí, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn phát triển sản xuất, ứng dụng công nghệ mới và nâng cao năng lực cạnh tranh, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh Thái Nguyên, đáp ứng mục tiêu và yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với chủ trương, đường lối của Đảng, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Nội dung dự thảo Nghị quyết đã phù hợp chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên.

3. Tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật của dự thảo văn bản: Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025; khoản 1 Điều 1 Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công

4. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản

4.1. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày đã phù hợp với Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

4.2. Về dự thảo Nghị quyết: Đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định về nguồn kinh phí thực hiện.

5. Nội dung đề nghị UBND tỉnh

Qua rà soát, nội dung và mức chi cho hoạt động khuyến công địa phương về cơ bản được giữ nguyên theo quy định tại Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh Thái Nguyên. Trong đó, có 14 mức chi cao hơn so với quy định tại Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03 tháng 4 năm 2025 của HĐND tỉnh Bắc Kạn với tỷ lệ tăng từ 18% đến 30%. Đề nghị UBND tỉnh báo cáo cụ thể phần kinh phí tăng thêm khi áp dụng các mức chi này trên địa bàn toàn tỉnh; đồng thời đánh giá khả năng cân đối ngân sách địa phương để đảm bảo tính khả thi trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết, nhất

là trong bối cảnh địa phương đang phải triển khai đồng thời nhiều chính sách mới sau khi hợp nhất tỉnh và thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp.

VIII. Tờ trình, dự thảo Nghị quyết thông qua chủ trương giao UBND tỉnh Cao Bằng làm cơ quan chủ quản thực hiện dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Bắc Kạn - Cao Bằng

1. Tính hợp hiến, hợp pháp: Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025; khoản 1 Điều 30 Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024.

2. Về dự thảo Nghị quyết: Ban cơ bản nhất trí với dự thảo Nghị quyết. Đề nghị rà soát tên dự án cho phù hợp với các văn bản chỉ đạo của Trung ương “tuyến đường bộ cao tốc Bắc Kạn - Cao Bằng” (Văn bản số 611/TTg-CN ngày 28/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ); “tuyến cao tốc Thái Nguyên (Bắc Kạn) - Cao Bằng” (Văn bản số 259/TB-BXD ngày 09/7/2025 của Bộ Xây dựng).

C. CÁC NỘI DUNG PHỐI HỢP THẨM TRA

Đối với 04 Tờ trình, dự thảo Nghị quyết được phân công phối hợp thẩm tra với các Ban của HĐND tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách đã có ý kiến bằng văn bản gửi đến các Ban chủ trì thẩm tra theo quy định.

Trên đây là Báo cáo thẩm tra đối với các Báo cáo, Tờ trình, dự thảo Nghị quyết trình tại Kỳ họp thứ ba (Kỳ họp thường lệ giữa năm 2025) HĐND tỉnh Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026. Ban Kinh tế - Ngân sách trình HĐND tỉnh xem xét, thảo luận và quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (B/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (B/cáo);
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu dự Kỳ họp;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng CTHĐND;
- Lưu; VT, KTNS.

TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN

Trịnh Tiến Dũng